

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S3...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày/....



Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày/....

GE3 - Unit 7: Puzzles and codes - Vocabulary 2 & Flyers Speaking

A. THEORY

I. VOCABULARY

❖ Tableware

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	plate (n)	đĩa	3	cutlery (n)	dao, thìa, dĩa (đồ dùng ăn uống)
2	cup (n)	cốc, chén			

❖ Secret Codes

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	ancient (adj)	cũ xưa, cổ đại	4	enemy (n)	kẻ thù
2	emperor (n)	hoàng đế	5	message (n)	thông điệp, tin nhắn
3	army (n)	quân đội	6	deliver (v)	giao, chuyển (thư, tin)

❖ Story "A Fair Solution"

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	owner (n)	chủ sở hữu	5	demand (v)	đòi hỏi, yêu cầu
2	judge (n)	thẩm phán	6	jingle (v)	rung / lắc (tạo tiếng kêu leng keng)
3	coins (n)	những đồng xu	7	sadly (adv)	một cách buồn bã
4	yell (v)	la hét			

❖ HOMEWORK: Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	spelling (n)	cách đánh vần, chính tả	3	shift (v)	dịch chuyển
2	predict (v)	dự đoán	4	replace (v)	thay thế

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐÒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (18 questions)

I. Unscramble the letters. (Sắp xếp lại các chữ cái.)

0. Nasreddin shook a bag of coins.

o	s	i	n
---	---	---	---



1. The restaurant o..... asked a poor man to pay for food.

r	w	e	n
---	---	---	---

2. The j..... is the person who says whether someone is right or wrong.

g	d	u	e
---	---	---	---



3. The man y.....s at the boy because he is angry.

i	l	e
---	---	---



4. The teacher d.....s quiet in the classroom.

a	d	e	m	n
---	---	---	---	---



5. The coins j..... in the bag when the man walks.

g	i	n	e	l
---	---	---	---	---



StarLink

II. Read and fill in blanks with NO MORE THAN 3 WORDS or A NUMBER.

(Đọc và điền vào chỗ trống với KHÔNG QUÁ 3 TỪ hoặc 1 SỐ.)

Spelling and Codes in the past

Most people have trouble spelling. In fact, about 100 years ago, Andrew Carnegie tried to make changes in the English language. He correctly predicted that English would become the most important language in the world. So, his group wanted to make English easier to read and write, created new spellings for 300 common words. The men believed that words should be spelled the way they sound. For example, **surprise** was spelled **surprize**, **ghost** became **gost**, and **through** became **thru**.

0. About 100 years ago, Andrew tried to change the English language.

1. He predicted that English would be language.
2. Andrew's group wanted to make English to read and write.
3. His group created new spellings for common words.
4. Through was spelled in the way it sounded and became

Named after Julius Caesar, the emperor of ancient Rome, this code is a simple system. The key tells you to shift the letter of the alphabet by a certain number to the left or to the right. The coded message below uses the key "Right 3", which means that if you see an E, you would count on 3 letters to the right and replace it with an H. When you get to the end of the alphabet, count round to the beginning again.

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

5. Julius Caesar was the of ancient Rome.

6. Caesar's code tells you to shift the letter to the or to the right.

7. The key "Right 3" means that you would count on letters to the right.

8. An O means in the key "Right 3".

III. Fill in the blanks with the correct form of the verbs using PRESENT PERFECT.

(Điền dạng đúng của động từ vào chỗ trống sử dụng thì HIỆN TẠI HOÀN THÀNH.)

0. I have climbed (climb) the mountain before.

1. She (travel) to another city.
2. They (not touch) the animal.
3. He (not walk) to school alone.
4. you ever (ride) a horse? - No, I haven't.
5. you ever (draw) a picture at school? - Yes, I have.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (10 questions)

FLYERS PART 4

StarLink

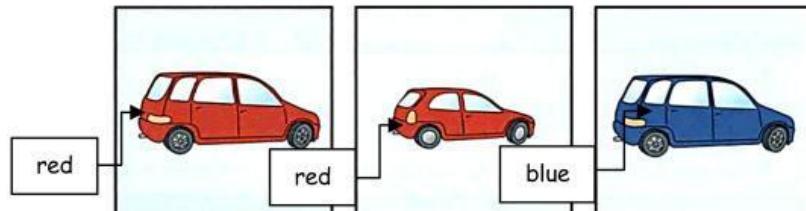
Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_w24_homework_flyers-part-4

Listen and tick (✓) the box.



Which is Ben's brother's car?



A

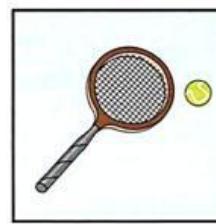
B

C

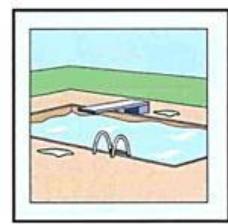
1 What sport does Ben's brother do?



A

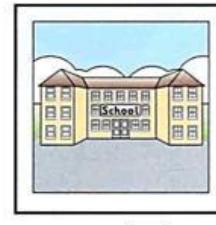


B

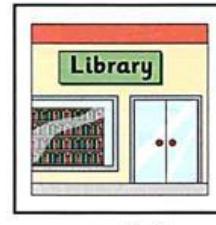


C

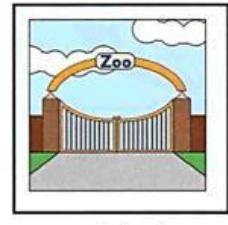
2 Where does Ben's brother work?



A

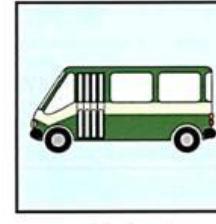


B

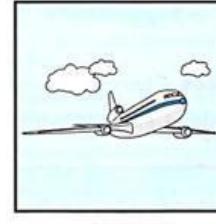


C

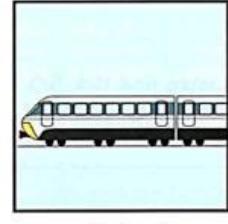
3 How did Ben go to his grandparents' house?



A

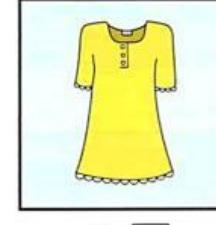


B



C

4 What can Ben give his sister for her birthday?



A

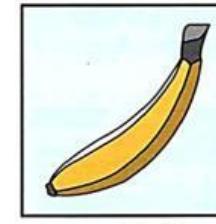


B

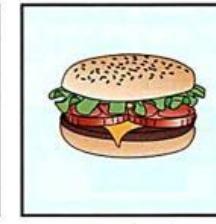


C

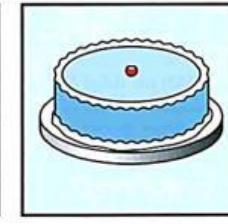
5 What's Ben's sister's favourite food?



A



B



C